

Số: **951/QĐ-UBND**

Thừa Thiên Huế, ngày **09** tháng 5 năm 2014

**QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc ban hành một số định mức chi tiêu áp dụng tạm thời cho  
Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng tỉnh Thừa Thiên Huế**

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH**

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Nghị định số 05/2008/NĐ-CP, ngày 14 tháng 01 năm 2008 của Chính phủ, về Quỹ bảo vệ và phát triển rừng;

Căn cứ Nghị định số 99/2010/NĐ-CP ngày 24/9/2010 của Chính phủ, về chính sách chi trả dịch vụ môi trường rừng;

Căn cứ Nghị định số 43/2006/NĐ-CP ngày 25/04/2006 của Chính phủ quy định quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm về thực hiện nhiệm vụ, tổ chức bộ máy, biên chế và tài chính đối với đơn vị sự nghiệp công lập;

Căn cứ Quyết định số 1518/QĐ-BNN-TC, ngày 07/07/2011 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành một số định mức chi tiêu áp dụng tạm thời cho Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng Việt Nam;

Căn cứ Quyết định số 1632/QĐ-UBND, ngày 10/08/2011 của UBND tỉnh Thừa Thiên Huế về việc thành lập Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng tỉnh Thừa Thiên Huế;

Căn cứ Thông tư số 85/2012/TT-BTC, ngày 25/05/2012 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ quản lý tài chính đối với Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng;

Xét đề nghị của Sở Tài chính và Sở Nông nghiệp và PTNT tại Công văn số 1389/LN NNPTNT-TC ngày 19 tháng 12 năm 2013,

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết định này một số định mức chi tiêu áp dụng tạm thời cho Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng tỉnh Thừa Thiên Huế.

*(Chi tiết nội dung theo biểu 01 đính kèm)*

**Điều 2.** Căn cứ quy định được ban hành, Giám đốc Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng tỉnh tổ chức triển khai thực hiện. Những nội dung khác không quy định trong Quyết định này được áp dụng theo các quy định hiện hành của Nhà nước.

Giao Sở Nông và Phát triển nông thôn phê duyệt dự toán chi tiết chi kinh phí hoạt động quản lý điều hành Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng hàng năm trên cơ sở kế hoạch thu, chi đã được UBND tỉnh phê duyệt.



**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

**Điều 4.** Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư; Giám đốc Kho Bạc Nhà nước tỉnh; Chi cục trưởng Chi cục Lâm nghiệp; Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ; Trưởng ban Ban Kiểm soát Quỹ; Giám đốc Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng tỉnh Thừa Thiên Huế; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị và các tổ chức, cá nhân liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.


**Nơi nhận:**

- Như Điều 4;
- Bộ Nông nghiệp và PTNT (đề b/c);
- Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng VN (đề b/c);
- TT Tỉnh ủy (đề b/c);
- TT HĐND tỉnh;
- Chủ tịch và các PCT UBND tỉnh;
- VP: Lãnh đạo, CV: TH, XDKH;
- Lưu: VT, NN.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**KT. CHỦ TỊCH**  
**PHÓ CHỦ TỊCH**



**Lê Trường Lưu**


**Biểu 01: MỘT SỐ ĐỊNH MỨC CHI TIÊU ÁP DỤNG**  
**CHO QUỸ BẢO VỆ VÀ PHÁT TRIỂN RỪNG TỈNH THỪA THIÊN HUẾ**  
 (Ban hành kèm theo Quyết định số 951 /QĐ-UBND ngày 02 tháng 5 năm 2014 của UBND tỉnh Thừa Thiên Huế)

Quy định tạm thời một số định mức chi tiêu này được áp dụng cho các khoản thanh toán trực tiếp từ nguồn kinh phí của Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng tỉnh Thừa Thiên Huế, đảm bảo tuân thủ đúng các quy định hiện hành của nhà nước về chế độ hóa đơn chứng từ, phù hợp với nguồn ngân sách và dự toán kinh phí được phê duyệt. Riêng đối với các nguồn kinh phí tài trợ của nước ngoài hoặc các nguồn ủy thác của các đối tác khác thực hiện theo các quy định trong các hiệp định/ thỏa thuận hoặc biên bản ghi nhớ với các đối tác tài trợ/ ủy thác.

STT	Nội dung chi	Đối tượng áp dụng	Định mức	Hồ sơ thanh toán
<b>1</b>	<b>Phụ cấp quản lý</b>			
1.1	Phụ cấp kiêm nhiệm cho Ban Điều hành Quỹ	Giám đốc Quỹ	40% mức lương cơ bản theo ngạch, bậc hàng tháng	Bảng thanh toán phụ cấp; Giấy chuyển tiền
		Phó Giám đốc Quỹ	40% mức lương cơ bản theo ngạch, bậc hàng tháng	
		Kế toán trưởng/ Phụ trách kế toán	40% mức lương cơ bản theo ngạch, bậc hàng tháng	
1.2	Phụ cấp kiêm nhiệm cho các thành viên hội đồng Quỹ và ban kiểm soát	Chủ tịch Hội đồng và trưởng Ban Kiểm soát	15% mức lương cơ bản theo ngạch, bậc hàng tháng	Bảng thanh toán phụ cấp và giấy chuyển tiền
		Các thành viên thuộc Hội đồng và Ban Kiểm soát	10% mức lương cơ bản theo ngạch, bậc hàng tháng	
1.3	Phụ cấp kiêm nhiệm cho Tổ công tác huyện, xã.	Các thành viên thuộc Tổ công tác huyện, xã (Theo quyết định thành lập của Giám đốc Quỹ Bảo vệ Phát triển rừng tỉnh)	30% mức lương cơ bản theo ngạch, bậc hàng tháng	Bảng thanh toán phụ cấp và giấy chuyển tiền
<b>2</b>	<b>Khoản công tác phí đi lại nội thành</b>			
2.1	Hỗ trợ hàng tháng	Thủ quỹ, kiêm văn thư hành chính	250.000 đ/người/tháng	Bảng thanh toán có ký nhận.
		Các thành viên khác thuộc Ban Điều hành		
<b>3</b>	<b>Hợp Hội đồng Quỹ</b>			
3.1	Bồi dưỡng tiền hợp	Các thành viên Hội đồng	200.000 đ/người/cuộc	Giấy mời, chương trình, Biên bản hợp và danh sách ký nhận
		Đại biểu khách mời	150.000 đ/người/cuộc	
		Nhân viên phục vụ	50.000 đ/người/cuộc	
3.2	Tiền photo tài liệu, giải khát	Tất cả các thành viên tham dự cuộc họp	40.000 đ/người/cuộc	Bảng kê hoặc hóa đơn mua hàng.

STT	Nội dung chi	Đối tượng áp dụng	Định mức	Hồ sơ thanh toán
4	Khoản tiền điện thoại di động			
4.1	Ban điều hành Quỹ	Giám đốc Quỹ	300.000 đ/người/tháng	Bảng kê, giấy chuyển tiền
		Phó Giám đốc Quỹ	300.000 đ/người/tháng	
		Kế toán trưởng / phụ trách kế toán	250.000 đ/người/tháng	
4.2	Hội đồng quản lý Quỹ và Ban Kiểm soát	Chủ tịch Hội đồng và Trưởng Ban Kiểm soát	300.000 đ/người/tháng	Bảng kê, giấy chuyển tiền
		Các thành viên	250.000 đ/người/tháng	
5	Bồi dưỡng thẩm định dự án			
5.1	Bồi dưỡng đọc trước tài liệu để góp ý thẩm định dự án dưới 1 tỷ đồng	Người chủ trì thẩm định	250.000 đ/người/dự án	Quyết định thành lập Hội đồng hoặc phiếu giao việc; Danh sách có ký nhận
		Các thành viên khác của Hội đồng thẩm định	150.000 đ/người/dự án	
5.2	Bồi dưỡng đọc trước tài liệu để góp ý thẩm định dự án trên 1 tỷ đồng	Người chủ trì thẩm định	400.000 đ/người/dự án	Quyết định thành lập Hội đồng hoặc phiếu giao việc; Danh sách có ký nhận
		Các thành viên khác của Hội đồng thẩm định	250.000 đ/người/dự án	
5.3	Tổ chức họp thẩm định	Người chủ trì thẩm định	250.000 đ/người/cuộc	Giấy mời, Danh sách có ký nhận, Biên bản họp
		Các thành viên khác của Hội đồng thẩm định	150.000 đ/người/cuộc	
		Thư ký	150.000 đ/người/cuộc	
		Nhân viên phục vụ	50.000 đ/người/cuộc	
6	Thuê lao công, tạp vụ			
	Tiền công hàng tháng	01 Lao động thuê ngoài	1.200.000 đ/người/tháng	Hợp đồng thuê khoán, giấy biên nhận hoặc bảng kê thanh toán

\* Ghi chú: Ngoài khoản tiền đi lại nội thành, các chuyến đi công tác có cự ly từ 30 km trở lên được thực hiện theo quy định hiện hành